



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02443

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : LANSY - SHRIMP PL  
**Số lượng/ khối lượng** : 4.000 hộp/ 5.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 30/3/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : INVE (Thailand) Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC 99054698 ngày 02/5/2025  
Hóa đơn số : INV 980095192 ngày 14/5/2025  
Vận đơn số : BKKHCM-25050102  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3716/HQ-GDK-TTKN ngày 28/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035366)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**  
Địa chỉ: Số 406, đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1133/QĐ-TTKN  
Ngày 17 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02444

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : FRIPPAK Fresh #1 CAR  
**Số lượng/ khối lượng** : 2.000 hộp/ 1.250 kg  
**Ngày sản xuất** : 03/3/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : INVE (Thailand) Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC 99054698 ngày 02/5/2025  
Hóa đơn số : INV 980095192 ngày 14/5/2025  
Vận đơn số : BKKHCM-25050102  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3716/HQ-GDK-TTKN ngày 28/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035366)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**  
Địa chỉ: Số 406, đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1133/QĐ-TTKN  
Ngày 17 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02445

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : NRD 2/3 (AS)  
**Số lượng/ khối lượng** : 200 gói/ 200 kg  
**Ngày sản xuất** : 12/4/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : INVE (Thailand) Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC 99054698 ngày 02/5/2025  
Hóa đơn số : INV 980095192 ngày 14/5/2025  
Vận đơn số : BKKHCM-25050102  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3716/HQ-GDK-TTKN ngày 28/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035366)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**  
Địa chỉ: Số 406, đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1133/QĐ-TTKN  
Ngày 17 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02446

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : NRD 3/5 (AS)  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.100 hộp/ 3.300 kg  
**Ngày sản xuất** : 08/5/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : INVE (Thailand) Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC 99054698 ngày 02/5/2025  
Hóa đơn số : INV 980095192 ngày 14/5/2025  
Vận đơn số : BKKHCM-25050102  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3716/HQ-GDK-TTKN ngày 28/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035366)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**  
Địa chỉ: Số 406, đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1133/QĐ-TTKN  
Ngày 17 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02447

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : NRD G8  
**Số lượng/ khối lượng** : 500 bao/ 5.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 10/5/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : INVE (Thailand) Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC 99054698 ngày 02/5/2025  
Hóa đơn số : INV 980095192 ngày 14/5/2025  
Vận đơn số : BKKHCM-25050102  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3716/HQ-GDK-TTKN ngày 28/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035366)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**  
Địa chỉ: Số 406, đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1133/QĐ-TTKN  
Ngày 17 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02448

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : NRD G12  
**Số lượng/ khối lượng** : 200 bao/ 2.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 12/5/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : INVE (Thailand) Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC 99054698 ngày 02/5/2025  
Hóa đơn số : INV 980095192 ngày 14/5/2025  
Vận đơn số : BKKHCM-25050102  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3716/HQ-GDK-TTKN ngày 28/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035366)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**  
Địa chỉ: Số 406, đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1133/QĐ-TTKN  
Ngày 17 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.02449

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : NRD 5/8 (AS)  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.500 bao/ 4.500 kg  
**Ngày sản xuất** : 08/5/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : INVE (Thailand) Ltd, Thailand  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : SC 99054698 ngày 02/5/2025  
Hóa đơn số : INV 980095192 ngày 14/5/2025  
Vận đơn số : BKKHCM-25050102  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3716/HQ-GDK-TTKN ngày 28/5/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035366)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-SẢN XUẤT NGỌC TRAI**  
Địa chỉ: Số 406, đường 2 Tháng 4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1133/QĐ-TTKN  
Ngày 17 tháng 6 năm 2025



**Lê Văn Yên**



**BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):**

| DOANH<br>NGHIỆP<br>ĐƯỢC<br>ĐÁNH GIÁ                  | MÃ SỐ MẪU    | QUY CHUẨN ÁP<br>DỤNG              | TÊN SẢN PHẨM/CHỈ<br>TIÊU PHÂN TÍCH                                                                                                                                                                           | GHI CHÚ                |
|------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| CÔNG TY<br>TNHH<br>TMDVSX<br>NGỌC TRAI<br>09/06/2025 | 0625062/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 1:<br>2019/BNNPTNT | <b>LANSY-SHRIMP PL</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Aflatoxin B1(μg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)           | BNNPTNT<br>29250035366 |
|                                                      | 0625063/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 1:<br>2019/BNNPTNT | <b>FRIPPAK FRESH # 1<br/>CAR</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Aflatoxin B1(μg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) |                        |
|                                                      | 0625064/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 1:<br>2019/BNNPTNT | <b>NRD 2/3 (AS)</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Aflatoxin B1(μg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)              |                        |
|                                                      | 0625065/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 1:<br>2019/BNNPTNT | <b>NRD 3/5 (AS)</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Aflatoxin B1(μg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)              |                        |
|                                                      | 0625107/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 1:                 | <b>NRD G8</b>                                                                                                                                                                                                |                        |

|  |              |                                   |                                                                                                                                                                                                 |  |
|--|--------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |              | 2019/BNNPTNT                      | Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Aflatoxin B1(μg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)                        |  |
|  | 0625108/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 1:<br>2019/BNNPTNT | <b>NRD G12</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Aflatoxin B1(μg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)      |  |
|  | 0625109/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 1:<br>2019/BNNPTNT | <b>NRD 5/8 (AS)</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Aflatoxin B1(μg/kg)<br>Ethoxyquin (mg/kg)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) |  |

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 06 năm 2025

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Phạm Hồng Quân**

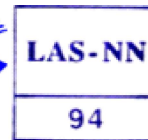
## 2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

| Gửi mẫu         |         |                                                      | Phòng thử nghiệm được lựa chọn | Ghi chú |
|-----------------|---------|------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| Người thực hiện | Đơn vị  | Thời gian<br>(ghi rõ .... giờ, ngày<br>.../.../....) |                                |         |
| Bùi Trọng Đoàn  | ASTAC 2 | 10h30 ngày 09/06/2025                                | ASTAC 1                        |         |



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 6556/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : HQ07250618

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 11/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625062/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | <1,0               | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

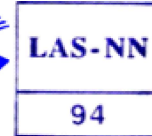
### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 6557/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : HQ07250619

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 11/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625063/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,29               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 6558/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng QuânMô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : HQ07250620

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 11/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625064/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,31               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

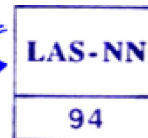
## Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**ANALYTICAL REPORT**  
Số/No.: 6559/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : HQ07250621  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/06/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 11/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625065/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

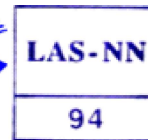
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 6560/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : HQ07250622

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 11/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625107/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,20               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 6561/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng QuânMô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : HQ07250623

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 11/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625108/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,21               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

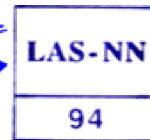
## Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 6562/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : HQ07250624

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/06/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 11/06/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625109/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | <0,9               | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

#### Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.